

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **327/2022/DS-ST**
Ngày: 10-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Dừa
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên;
2. Bà Nguyễn Ngọc Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Minh Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 361/2020/TLST-DS ngày 07/6/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V;**

Địa chỉ: 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đ, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc Yến O, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số 11 đường số 1, khu tái định cư cảng Phú Định, phường A, Quận B, Thành phố H (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Trần Văn H**, sinh năm: 1992;

Địa chỉ: C2/10 tổ 3, Khu phố 3, thị trấn T, huyện BC, Thành phố H (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn có bà Nguyễn Ngọc Yến O trình bày: Ngày 08/12/2014 ông Trần Văn H có ký hợp đồng tín dụng với số hiệu là AA0453630 (hiện đã đồng bộ thành số 20141210-800011-0038) với Ngân hàng TMCP V vay số tiền

20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) với lãi suất thoả thuận 3.75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thoả thuận trong hợp đồng, ông Trần Văn H có trách nhiệm thanh toán số tiền 33.647.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 30 tháng. 29 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.122.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.109.000 đồng. Thanh toán vào ngày 11 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 11/01/2015.

Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Ngân hàng được với tổng số tiền đã trả là 13.464.000 đồng (Trong đó tiền gốc là 8.525.959 đồng, tiền lãi là 4.938.041 đồng). Kể từ ngày 29/06/2017 ông Trần Văn H không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho tới nay dù Ngân hàng đã nhắc nhở, yêu cầu thanh toán.

Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn H thanh lý hợp đồng trả cho Ngân hàng một lần số tiền nợ bao gồm các khoản sau:

- Trả toàn bộ khoản nợ gốc: 11.474.041 đồng
- Trả khoản nợ lãi: 8.708.959 đồng

Tổng số tiền Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn H phải thanh toán là: 20.183.000 đồng (Hai mươi triệu, một trăm tám mươi ba nghìn đồng), trong đó số tiền nợ gốc còn lại là 11.474.041 đồng, số tiền nợ lãi còn lại là 8.708.959 đồng. Nay với tư cách là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, tôi giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn H có đơn xin vắng mặt và không thể hiện ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên toà có ý kiến phát biểu như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1]. Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Trần Văn H. Đây là tranh chấp về hợp đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có bà Nguyễn Ngọc Yến O và bị đơn ông Trần Văn H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Oanh, ông H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/12/2014 tạm tính đến ngày 06/9/2019 là 20.183.000 đồng (Hai mươi triệu, một trăm tám mươi ba nghìn đồng) và khoản lãi phát sinh từ ngày 06/9/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng;

[3.1]. Còn bị đơn ông Trần Văn H mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng ông H có đơn xin vắng mặt vắng mặt. Vì vậy, ông H đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện cũng như tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[3.2] Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng lập ngày 11/12/2014 kèm theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, bảng sao kê số thẻ 20141210-800011-0038 từ ngày 11/01/2015 thì có cơ sở để xác định ông Trần Văn H có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng, hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng, lãi suất là 3.75%/tháng.

[3.3] Theo bảng tóm tắt sao kê ngày 11/01/2015, sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 33.647.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 13.464.000 đồng. Từ ngày 29/6/2017 đến nay, ông H đã ngưng không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho Ngân hàng. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Văn H trả số tiền gốc và lãi nêu trên là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Từ những căn cứ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Trần Văn H, buộc bị đơn ông Trần Văn H có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền nợ gốc là 11.474.041 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 29/6/2017 là 8.708.959 đồng, tổng cộng là 20.183.000 đồng và tiền lãi

phát sinh từ ngày 29/6/2017 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[4]. Xét lời đề nghị của đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều khoản 1 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với ông Trần Văn H. Buộc ông Trần Văn H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 29/6/2017 là 20.183.000 đồng (Hai mươi triệu, một trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bị đơn ông Trần Văn H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.009.150 đồng (Một triệu không trăm lẻ chín nghìn một trăm năm mươi đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 504.575 đồng (Năm trăm lẻ bốn nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0002100 ngày 28/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.



Trương Văn Dừa